

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2021.

V/v Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 4 năm 2021 và ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và đòi lại tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn T - sinh năm: 1975.

Địa chỉ: số 366, tổ 5A, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1977.

Địa chỉ: số 12, ấp K, xã K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà C chung sống vợ chồng từ năm 2017, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2018 tại UBND xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn, bà C về sống chung bên nhà ông T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn cự cãi gì cho đến ngày 08/7/2019 âm lịch thì bà C tự ý gom hết tài sản, vàng vòng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc sinh sống. Từ đó, đến nay vợ chồng không còn liên lạc qua lại với nhau. Nay ông T xác định là: Ông T không còn tình cảm với bà C, Ông T không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho bà C, cuộc sống hôn nhân với bà C không có hạnh phúc, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau; ông T yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

- Về nuôi con chung: Ông T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kara (*vàng cưới*), 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 kara (*vàng cưới*), 01 chiếc nhẫn (*tròn*) 05 chỉ vàng 24 kara (*vợ chồng cùng tạo lập*) và 01 chiếc nhẫn kiềng (*mặt vuông*) 05 chỉ vàng 24 kara (*vợ chồng cùng tạo lập*). Riêng đối với sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara, ông T xác định là tài sản riêng của ông T có trước khi cưới bà C. Khi ly hôn, ông T yêu cầu chia đôi số tài sản chung, riêng đối với sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara, ông T yêu cầu bà C trả lại cho ông T. Tuy nhiên, vào ngày 31/3/2021, ông T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Nay, ông T xác định: Khi ly hôn, ông T không yêu cầu bà C trả lại sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara, không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị C vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho bà C nhiều lần nhưng bà C vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị C không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị C.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn T.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị C là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Ông T và bà C chung sống vợ chồng từ năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2018 tại UBND xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông T và bà C đã phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bà C tự ý gom hết tài sản chung của vợ chồng (*vàng cưới và số vàng do vợ chồng cùng tạo lập*) bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống; đồng thời, trong cuộc sống vợ chồng, giữa ông T và bà C không có sự thương yêu, quan tâm và tin tưởng lẫn nhau... làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Trong thời gian này hai bên cũng không tới lui, tìm gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án; bà C đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng

theo quy định của pháp luật nhưng bà C vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, bà C đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân bà C cũng không có thành ý mong muốn hàn gắn tình cảm với ông T nên đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Tại phiên tòa, ông T xác định là không còn tình cảm với bà C, cuộc sống hôn nhân với bà C không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì ông T cũng không trở về sống chung với bà C. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà C.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Nếu ông T và bà C đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc ông T yêu cầu được ly hôn bà C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về chia tài sản chung: Tại phiên tòa, ông T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung, không yêu cầu bà C trả lại sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ kiện ly hôn giữa ông T và bà C; nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông T sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Mặt khác, vào ngày 31/3/2021, ông T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết; đồng thời tại phiên tòa, ông T xác định là vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung và đòi lại tài sản, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về chia tài sản chung và đòi lại tài sản (*sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara*).

- Về nợ chung: Ông T xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí (*về chia tài sản chung*) đã nộp là: 1.285.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T. Cho ông Trần Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, đòi lại tài sản (*sợi dây chuyền 5,5 chỉ vàng 18 kara*) của ông Trần Văn T.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Văn T nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, ông T đã nộp ngày 05/10/2020 theo biên lai thu số: 0008360 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Văn T tiền tạm ứng án phí (*về chia tài sản chung, đòi lại tài sản*) đã nộp là: 1.285.000 (*Một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số: 0008361 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh